Market Highlight

09 January 2015

HOSE 09/01/2015

VNINDEX	569.73	16.26	2.94%

KLGD		107,474,507	CP
GTGD		1,874.14	Tỷ
GTR NDTNN	-	1.44	Tỷ

CP Tăng giá	144	CP
CP Giảm giá	68	CP
CP Đứng giá	92	CP

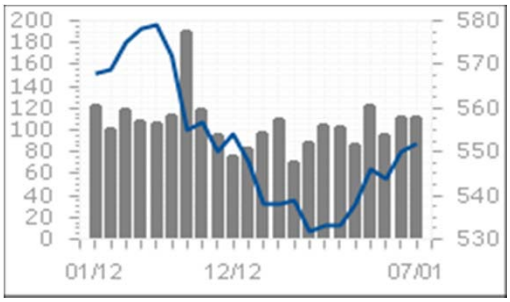

HNX 09/1/2015

HNXINDEX	85.65	1.54	1.83%

KLGD	55,723,661	CP
GTGD	737.44	Tỷ
GTR NDTNN	14.02	Tỷ

CP Tăng giá	141	CP
CP Giảm giá	63	CP
CP Đứng giá	175	CP

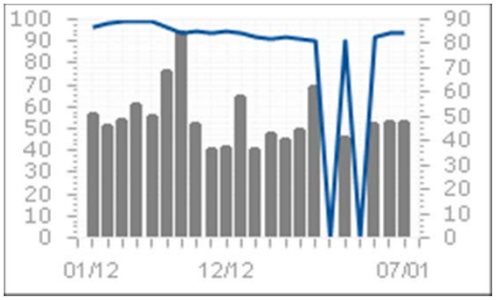

VN30 & HNX30 INDEX

VN30	618.41	11.56	1.90%
HNX30	166.71	3.64	2.23%

VietinBankSc
306 Ba Trieu
Hai Ba Trung
Hanoi
Vietnam
Tel: (844) 3974 7952
Fax: (844) 3974 1760
www.vietinbanksc.com.vn

Tâm điểm

- **Nhờ sự hỗ trợ lớn từ cổ phiếu dầu khí và ngân hàng, chỉ số 2 sàn tăng mạnh**
- **NDT Nước ngoài vẫn tiếp tục bán ròng trên HOSE, mua ròng trên HNX**
  Thanh khoản gia tăng đáng kể từ các cổ phiếu dầu khí và ngân hàng
- **Vốn FDI của Australia tại Việt Nam**
  Trong 12 tháng năm 2014, Australia đã có 24 dự án đầu tư tại Việt Nam
  DVO
- **Năm 2014, vùng Tây Bắc thu hút gần 1,8 tỷ USD vốn FDI**
  Vùng Tây Bắc có 106 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài
  DVO
- **Lạm phát Trung Quốc tăng nhẹ trong tháng 12/2014**
  Chỉ số giá tiêu dùng tại Trung Quốc tăng 1,5% so với cùng kỳ năm ngoái
  Reuters
- **CSM ước đạt 422 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế năm 2014**
  CSM đã không hoàn thành kế hoạch doanh thu nhưng hoàn thành kế hoạch LN
  DVO
- **SHF đăng ký bán 7,5 triệu cổ phiếu PSI, quy mô thoái vốn khoảng 53 tỷ đồng**

  DVO

Thị trường / Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,004,423	13.5	2.7	18.0%	9.2%
HNX	139,696	13.4	1.8	8.8%	4.2%
Toàn bộ thị trường	**1,144,119**	**13.8**	**2.6**	**17.8%**	**8.9%**
Theo ngành					
Nhựa, cao su & sợi	6,708	6.5	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	22,341	9.7	1.6	16.9%	10.6%
Thép và sản phẩm thép	36,960	12.6	1.9	22.7%	10.8%
Khai khoáng	12,434	89.0	6.2	-4.1%	-3.4%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	26,586	14.8	1.5	13.3%	7.4%
Xây dựng	32,589	26.7	1.1	1.8%	2.4%
Máy công nghiệp	8,629	8.7	1.3	15.2%	10.4%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,523	8.3	1.5	18.5%	13.5%
Lốp xe	8,228	10.6	2.8	25.5%	11.0%
Nuôi trồng nông & hải sản	23,282	11.1	2.1	22.6%	7.6%
Thực phẩm	188,169	24.2	4.6	18.4%	14.3%
Dược phẩm	15,611	12.4	2.8	22.3%	14.8%
Phần mềm	16,778	10.0	2.1	21.7%	9.0%
Sản xuất & phân phối điện	30,195	10.5	1.6	15.8%	7.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	137,481	11.3	3.6	32.3%	21.9%
Bảo hiểm nhân thọ	23,204	18.5	1.9	10.4%	2.2%
Môi giới chứng khoán	25,799	10.7	1.4	11.0%	7.5%
Ngân hàng	259,603	12.3	1.4	10.2%	0.9%
Bất động sản	158,557	15.5	2.5	17.7%	4.6%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	32,092	7.3	1.5	21.9%	9.2%

Thống kê thị trường

- HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

Trịnh Thị Thu Phương
thuphuong@vietinbanksc.com.vn

▶ Tin kinh tế

Vốn FDI của Australia tại Việt Nam

Theo số liệu của Cục đầu tư nước ngoài (Bộ KHDT), trong 12 tháng năm 2014, Australia đã có 24 dự án đầu tư tại Việt Nam, đứng thứ 16/60 quốc gia, vùng lãnh thổ có dự án đầu tư ở Việt Nam, tổng vốn đăng ký 30,73 triệu USD; có 6 lượt dự án tăng vốn với tổng số vốn đăng ký tăng thêm là 112,11 triệu USD. Tính chung trong năm 2014, tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm của các nhà đầu tư Australia là 142,84 triệu USD. Tính lũy kế đến hết năm 2014, Australia có 320 dự án đầu tư trực tiếp còn hiệu lực tại Việt Nam với tổng vốn đầu tư đăng ký hơn 1,65 tỷ USD; đứng thứ 19/101 quốc gia và vùng lãnh thổ có hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

Năm 2014, vùng Tây Bắc thu hút gần 1,8 tỷ USD vốn FDI

Đến nay vùng Tây Bắc có 106 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài với tổng số vốn là 1,73 tỷ USD chủ yếu tập trung vào lĩnh vực công nghiệp chế biến chế tạo với 68 dự án; tổng vốn đầu tư là 900,5 triệu USD (chiếm 52% vốn đầu tư). Tiếp theo là lĩnh vực khai khoáng với 3 dự án; tổng vốn đầu tư đăng ký là 151,5 triệu USD (chiếm 27,5% vốn đầu tư). Đứng thứ 3 là lĩnh vực nghệ thuật vui chơi giải trí với 3 dự án 86 triệu USD, chiếm 5% vốn đầu tư. Đã có 18 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc, dẫn đầu là Trung Quốc với 40 dự án, tổng vốn đầu tư là 890 triệu USD (chiếm 51,4% tổng vốn đầu tư). Tiếp theo là các đối tác Nhật Bản, Australia với tổng vốn đầu tư tương ứng là là 147,8 triệu USD và 136 triệu USD.

Lạm phát Trung Quốc tăng nhẹ trong tháng 12/2014

Theo số liệu Cục Thống kê vừa công bố sáng nay 9/1, chỉ số giá tiêu dùng tại Trung Quốc tăng 1,5% so với cùng kỳ năm ngoái trong tháng 12, nhỉnh hơn mức tăng 1,4% của tháng trước đó. Con số này thấp hơn rất nhiều so với mục tiêu lạm phát 3,5% của ngân hàng trung ương. Tuy nhiên, chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 12 của Trung Quốc lại giảm mạnh 3,3% so với cùng kỳ năm ngoái sau khi đã giảm 2,7% trong tháng 11. Đây là đợt giảm mạnh nhất kể từ tháng 9/2012 và cũng là tháng giảm thứ 34 liên tiếp của PPI. Theo Cục Thống kê quốc gia Trung Quốc, PPI tháng 12 giảm chủ yếu do giá dầu thô toàn cầu lao dốc. Đồng thời, nhu cầu tiêu thụ yếu cũng buộc các doanh nghiệp phải hạ giá sản xuất.

Trịnh Thị Thu Phương
thuphuong@vietinbanksc.com.vn

▶ Tin doanh nghiệp

CSM ước đạt 422 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế năm 2014

Công ty cổ phần công nghiệp cao su miền Nam (mã CSM), năm 2014, ước tính doanh thu thuần 2014 đạt 3.180 tỷ đồng (tăng trưởng 1,5%) và lợi nhuận trước thuế đạt 422 tỷ đồng (giảm 12,2%). Công ty đã không hoàn thành kế hoạch doanh thu là 3.350 tỷ đồng do đóng góp từ lốp radial thấp hơn kế hoạch ban đầu và giá bán bình quân còn giảm. Tuy nhiên Công ty vượt 41% kế hoạch lợi nhuận là 300 tỷ đồng. Năm 2015, CSM đặt kế hoạch doanh thu 3.560 tỷ đồng (tăng trưởng 12%) và lợi nhuận trước thuế (không tính lợi nhuận từ dự án bất động sản) là 405 tỷ đồng (giảm 4%).

SHF đăng ký bán 7,5 triệu cổ phiếu PSI, quy mô thoái vốn khoảng 53 tỷ đồng

CTCP Quản lý Quỹ Đầu tư Sài Gòn – Hà Nội vừa đăng ký bán 7,5 triệu cổ phiếu PSI của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí trên tổng số 8.659.000 (tỷ lệ 14,47%) cổ phiếu đang nắm giữ. Giao dịch dự kiến thực hiện bằng phương thức thoả thuận và khớp lệnh từ 13/1/2015 đến 11/2/2015 với mục đích cơ cấu danh mục đầu tư. Nếu tính theo giá đóng cửa phiên hôm nay (9/1/2015), quy mô thoái vốn của SHF đạt hơn 53 tỷ đồng.

HBC: trúng thầu dự án thứ ba tại Phú Quốc

Ngày 7/1, Dự án Intercontinental Resort Phú Quốc do CTCP Bất động sản Syrena Phú Quốc làm chủ đầu tư đã được khởi công và nhà thầu chính là CTCP Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình (mã trên HOSE: HBC). Thời gian hoàn thành gói thầu dự kiến vào cuối năm 2015. Dự án Intercontinental Resort Phú Quốc là công trình khách sạn 5 sao, có quy mô 1 khối tháp chính cao 20 tầng và 5 khối nhỏ cao 7 tầng. Hòa Bình là nhà thầu chính bê tông cốt thép phần thân và hoàn thiện cơ bản với tổng giá trị gần 200 tỷ đồng.

Market Highlight

HOSE	09/01/2015	VNINDEX	569.73	16.26	2.94%	107,474,507 CP	1,874.14 bil VND

Nhờ sự hỗ trợ lớn từ cổ phiếu dầu khí và ngân hàng, chỉ số 2 sàn tăng mạnh

- Vn-Index tăng 16.26đ (+2.94%) lên mức 569.73 điểm. Sau nến Doji hình thành hôm qua, phiên hôm nay xuất hiện cây nến xanh thân dài, bóng trên rất ngắn và không có bóng dưới chứng tỏ lực tăng hôm nay rất mạnh.
- Chỉ số Stochatic Oscillater và MFI đã chững lại, tuy RSI vẫn tiếp tục tăng.
- MACD vẫn tăng nhưng vẫn chưa tiến tới đường zezo. Giá đã chạm dải trên của dải Bollinger Band và cũng chạm mốc kháng cự Fibonacci 38.2%. Nên khả năng thị trường sẽ có sự điều chỉnh

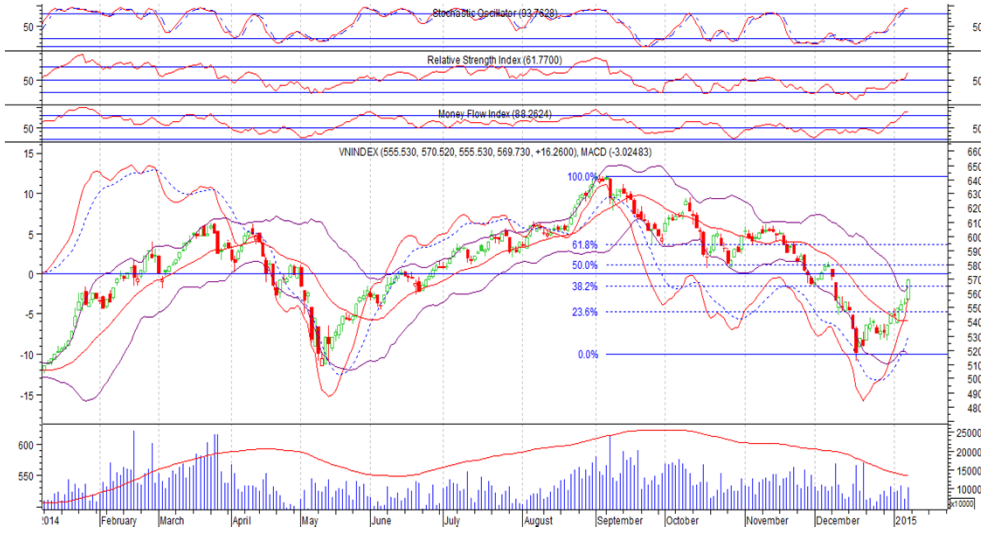

HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.2 (1.9%)	11,576,800
ITA	0.2 (2.5%)	8,273,390
MBB	0.7 (5.1%)	6,690,100
VHG	0.1 (0.8%)	3,571,760
BID	0.9 (6.6%)	3,291,280

HOSE Top 5 theo % tăng

ST8	1.4 (7.0%)	3,250
TMS	3.5 (7.0%)	160
NCT	6 (6.7%)	1,100
VCB	2.3 (6.6%)	2,286,680
BID	0.9 (6.6%)	3,291,280

HOSE Top 5 theo % giảm

VNG	-0.9 (-6.5%)	540
CLC	-2 (-6.3%)	7,080
HLA	-0.1 (-6.3%)	23,360
AAM	-0.9 (-6.2%)	3,550
OGC	-0.4 (-6.0%)	2,144,990

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

VCB	20,1	tỷ	549,239
HAG	14,4	tỷ	632,920
MSN	10,3	tỷ	122,400
HPG	7,3	tỷ	137,030
STB	4,5	tỷ	241,280

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

KDC	-32,6	tỷ	685,830
PVD	-27,4	tỷ	442,540
DXG	-9,1	tỷ	646,620
GAS	-4,6	tỷ	63,260
CTG	-4,0	tỷ	280,230

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	819,579 -	1.44

Nhận định / Bình luận thị trường

- Vn-Index đã tăng điểm ngay khi mở cửa, đà tăng nhanh chóng lan rộng và duy trì đến hết phiên, giao dịch sôi động, tích cực…
- Dầu khí và ngân hàng tăng mạnh. Trong đó GAS đóng trần cho tới cuối phiên trước thông tin sẽ chi ra 1000 tỷ đồng để mua cổ phiếu quỹ. Ảnh hưởng của GAS các
- cổ phiếu như PVD, DPM…cũng có mức tăng điểm khá. Cổ phiếu ngân hàng có VCB cũng tăng trầnnhưng để mất mức trần và đóng cửa đạt mức 2400đ/
- Nhà đầu tư ngoại: NĐTN mua ròng với khối lượng 819 ngàn đơn vị, mua nhiều các mã VCB, HAG, MSN,.. và bán nhiều các mã KDC, PVD, GAS,..
- Nhận định: Thị trường có những chuyển biến tích cực, nhưng với mức tăng lớn như phiên hôm nay cho thấy khả năng điều chỉnh có thể xảy ra.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	74.0	140,230.00	11.4	3.7	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	103.0	103,012.22	17.0	5.4	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	36.9	98,339.25	20.1	2.1	10.5%	0.9%
VIC	1,454.6	47.8	69,527.73	18.0	3.8	21.1%	4.6%
MSN	735.8	84.5	62,175.79	488.8	4.3	-0.9%	-0.3%
CTG	3,723.4	14.5	53,989.37	9.7	1.0	8.8%	0.8%
BID	2,811.2	14.5	40,762.44	8.6	1.2	13.6%	0.8%
HPG	481.9	54.0	26,023.04	8.1	2.2	30.2%	14.7%
BVH	680.5	35.0	23,816.50	18.5	1.9	10.4%	2.2%
STB	1,142.5	18.5	21,136.46	8.4	1.2	14.3%	1.4%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
TTF	100.1	10.7	1,070.71	13.7	0.9	NA	TH.DOI
HBC	53.4	15.3	816.96	22.2	0.8	NA	TH.DOI
CII	186.8	19.4	3,623.05	7.2	1.4	NA	TH.DOI
BMP	45.5	77.5	3,524.58	9.8	2.1	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.4	692.55	5.6	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	21.1	582.57	1.8	0.9	NA	TH.DOI

Market Highlight

HNX	09/01/2015	HNX-Index	85.65	1.54	1.83%	55,723,661 CP	737.44 bil. VND

Nhờ sự hỗ trợ lớn từ cổ phiếu dầu khí và ngân hàng, chỉ số 2 sàn đồng loạt thăng

-Chỉ số HNX-Index tăng 1.54 điểm (1.83%), đóng cửa tại mốc 85.65điểm. Sau nến Doji hình thành hôm qua, phiên hôm nay xuất hiện cây nến xanh thân dài, bóng trên rất ngắn và không có bóng dưới chứng tỏ lực tăng hôm nay rất mạnh.

- Stochastic Oscillator vẫn tiếp tục tăng và tiến sâu vào vùng quá bán, MFI tăng nhẹ,

- MACD vẫn tiếp tục tăng gần sát đường zezo.

'-Chỉ số đã chạm dải trên của dải Bollinger Band và gần chạm ngưỡng kháng cự của Fibonacci 50%.

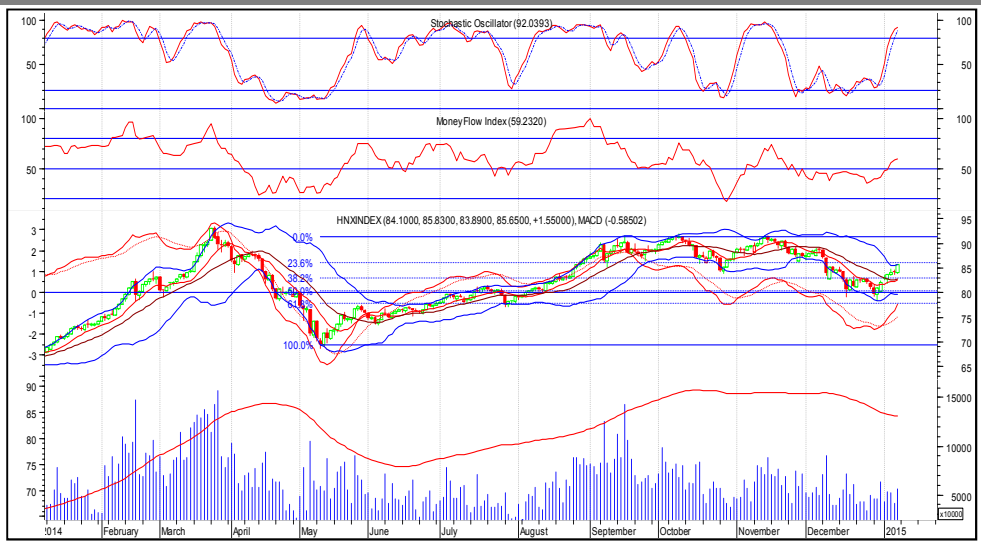

HNX Top 5	theo KLGD	
SHB	0.4 (4.7%)	9,206,120
KLF	0.2 (1.8%)	8,577,560
SCR	0.2 (2.2%)	3,998,520
PVS	1.4 (5.4%)	3,729,400
PVX	0.1 (2.0%)	3,004,510

HNX Top 5	theo % tăng	
CTB	4.5 (14.8%)	-
CVN	0.3 (9.7%)	55,800
TV3	2 (9.6%)	100
VNR	2.1 (9.5%)	100
DPC	1.3 (9.4%)	500

HNX Top 5	theo % giảm	
E1SSHN30	-1 (-10.0%)	100
PMS	-1 (-9.7%)	8,900
HDA	-0.9 (-9.7%)	100
MAX	-0.3 (-9.4%)	35,900
CTN	-0.5 (-9.1%)	900

HNX Top 5	Mua ròng NDTNN		
KLS	4,7	tỷ	440,000
VND	2,3	tỷ	177,000
PVS	2,1	tỷ	79,500
SHB	1,6	tỷ	178,100
VCG	1,6	tỷ	121,600

HNX Top 5	Bán ròng NDTNN		
DBC	-1,1	tỷ	38,000
SCR	-0,3	tỷ	38,000
PVX	-0,2	tỷ	30,000
HLD	-0,1	tỷ	5,000
KSD	-0,1	tỷ	15,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	1,155,690	14.02

Nhận định / Bình luận thị trường

- HNX-Index giảm nhẹ lúc mở cửa, song nhanh chóng lấy được đà tăng sau đó. Đà tăng nhanh chóng lan rộng và đạt mức cao nhất vào cuối phiên.
- Những cổ phiếu dầu khí và ngân hàng là trợ thủ đắc lực cho chỉ số. Nhóm cổ phiếu chủ chốt như PVS tăng 1400đ, BVS tăng 500đ, SHB tăng 400đ….
- Khép phiên, tổng khối lượng giao dịch toàn thị trường đạt hơn 55,7 triệu đơn vị, tương đương giá trị giao dịch là 737,44 tỷ đồng.
- Nhà đầu tư ngoại: NĐTN mua ròng với khối lượng 1155 ngàn đơn vị, mua nhiều các mã KLS, VND, PVS và bán nhiều các mã DBC, SCR.
- Nhận định: Thị trường có những chuyển biến tích cực, nhưng với mức tăng lớn như phiên hôm nay cho thấy khả năng điều chỉnh có thể xảy ra.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.9	14,465.51	26.6	1.2	4.4%	0.3%
PVS	446.7	27.5	12,284.26	7.0	1.3	19.6%	6.6%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	- 69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	9.0	7,974.75	9.4	0.7	7.7%	0.6%
VCG	441.7	12.9	5,698.07	8.5	1.0	11.8%	2.9%
OCH	200.0	25.1	5,020.00	59.1	2.4	4.1%	2.2%
PVI	225.2	17.5	3,940.27	12.5	0.6	5.1%	1.8%
VNR	131.1	24.2	3,172.04	9.1	1.1	12.8%	5.4%
NTP	56.3	52.0	2,929.64	7.5	2.2	23.4%	14.9%
LAS	77.8	35.4	2,755.25	7.7	2.2	25.6%	14.6%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	27.6	1,048.80	6.3	1.1	NA	TH.DOI
AAA	39.6	13.9	550.44	5.3	1.0	NA	TH.DOI
VND	155.0	13.1	2,030.48	11.2	1.1	NA	TH.DOI
NTP	56.3	52.0	2,929.64	7.5	2.2	NA	TH.DOI
PVC	50.0	25.3	1,265.00	6.1	1.4	NA	TH.DOI
DXP	7.9	40.0	315.00	7.6	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,175.79	15.22%	84.5	- 488.78	4.34	101,788	271,344	220,272
VIC	HOSE	1,454.6	69,527.73	12.53%	47.8	17.99	3.79	480,311	840,152	1,125,271
PVD	HOSE	303.0	18,939.81	11.71%	62.5	7.52	1.63	552,989	1,061,195	812,537
HPG	HOSE	481.9	26,023.04	11.57%	54.0	8.08	2.23	294,190	396,810	483,698
HAG	HOSE	789.9	18,009.70	7.45%	22.8	9.36	1.21	2,394,333	2,616,401	3,147,441
KDC	HOSE	255.2	12,120.15	7.00%	47.5	19.62	1.80	1,391,121	1,300,353	1,159,031
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	5.69%	18.5	8.44	1.17	1,077,555	2,316,888	971,237
VCB	HOSE	2,665.0	98,339.25	5.16%	36.9	20.06	2.13	1,054,745	1,157,601	618,526
DPM	HOSE	379.9	12,423.85	4.04%	32.7	10.19	1.32	848,515	867,199	678,055
KBC	HOSE	389.8	6,158.21	2.83%	15.8	14.52	1.17	2,338,125	2,389,265	3,812,100
ITA	HOSE	718.9	5,823.14	2.64%	8.1	46.51	0.72	4,958,986	5,426,459	5,572,267
HSG	HOSE	96.3	4,555.61	1.95%	47.3	11.15	1.92	71,394	120,848	189,610
BVH	HOSE	680.5	23,816.50	1.83%	35.0	18.46	1.94	609,788	514,044	305,999
HVG	HOSE	132.0	3,563.99	1.55%	27.0	12.18	1.47	707,146	998,908	1,266,329
FLC	HOSE	314.9	3,463.83	1.53%	11.0	6.34	0.90	11,020,517	10,786,689	14,341,495
PPC	HOSE	318.2	8,558.36	1.47%	26.9	11.80	1.60	913,324	963,922	521,304
DRC	HOSE	83.1	4,652.14	1.41%	56.0	13.46	3.25	47,028	141,598	106,522
PVT	HOSE	255.9	3,582.01	1.37%	14.0	11.87	1.15	2,551,606	2,760,733	2,345,854
CSM	HOSE	67.3	2,853.18	1.32%	42.4	8.16	2.24	87,432	63,087	93,161
VSH	HOSE	206.2	2,804.88	1.16%	13.6	19.01	1.03	384,887	594,999	494,187
OGC	HOSE	300.0	1,890.00	0.56%	6.3	11.66	0.62	6,298,783	6,223,214	6,054,941

Công ty quản lý	**DB Platinum Advisors**	Ngày lập quỹ	**15/01/2008**	SLCKVN	**22/22**
Chỉ số tham chiếu	**FTST Vietnam Index**	Ngày lập chỉ số	**14/05/2007**	TGTTSQL	**361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,175.79	8.53%	84.5	- 488.78	4.34	101,788	271,344	220,272
VIC	HOSE	1,454.6	69,527.73	7.57%	47.8	17.99	3.79	480,311	840,152	1,125,271
VCB	HOSE	2,665.0	98,339.25	7.13%	36.9	20.06	2.13	1,054,745	1,157,601	618,526
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	6.62%	18.5	8.44	1.17	1,077,555	2,316,888	971,237
PVS	HNX	446.7	12,284.26	5.75%	27.5	7.03	1.34	1,873,347	2,879,110	2,549,788
BVH	HOSE	680.5	23,816.50	4.51%	35.0	18.46	1.94	609,788	514,044	305,999
DPM	HOSE	379.9	12,423.85	4.25%	32.7	10.19	1.32	848,515	867,199	678,055
HAG	HOSE	789.9	18,009.70	4.04%	22.8	9.36	1.21	2,394,333	2,616,401	3,147,441
PVD	HOSE	303.0	18,939.81	3.90%	62.5	7.52	1.63	552,989	1,061,195	812,537
PPC	HOSE	318.2	8,558.36	3.14%	26.9	11.80	1.60	913,324	963,922	521,304
ITA	HOSE	718.9	5,823.14	3.29%	8.1	46.51	0.72	4,958,986	5,426,459	5,572,267
FLC	HOSE	314.9	3,463.83	2.85%	11.0	6.34	0.90	11,020,517	10,786,689	14,341,495
SHB	HNX	886.1	7,974.75	2.54%	9.0	9.42	0.74	4,943,931	4,348,732	3,730,525
VCG	HNX	441.7	5,698.07	2.12%	12.9	8.49	0.99	1,103,347	1,326,694	1,433,093
PVT	HOSE	255.9	3,582.01	1.78%	14.0	11.87	1.15	2,551,606	2,760,733	2,345,854
OGC	HOSE	300.0	1,890.00	143.00%	6.3	11.66	0.62	6,298,783	6,223,214	6,054,941
DRC	HOSE	83.1	4,652.14	1.00%	56.0	13.46	3.25	47,028	141,598	106,522
IJC	HOSE	274.2	3,756.46	0.65%	13.7	22.17	1.30	135,305	373,310	571,293
PVX	HNX	400.0	2,040.00	0.00%	5.1	- 2.18	2.17	5,501,546	4,445,067	5,470,809

Công ty quản lý	**Van Eck Global**	Ngày lập quỹ	**08/11/2009**	SLCKVN	**17/27**
Chỉ số tham chiếu	**Market Vector Vietnam Index**	Ngày lập chỉ số	**24/11/2008**	TGTTSQL	**439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	69,527.73	0.00%	47.8	17.99	3.79	480,311	840,152	1,125,271
MSN	HOSE	735.8	62,175.79	0.00%	84.5	- 488.78	4.34	101,788	271,344	220,272
DPM	HOSE	379.9	12,423.85	0.00%	32.7	10.19	1.32	848,515	867,199	678,055
HAG	HOSE	789.9	18,009.70	0.00%	22.8	9.36	1.21	2,394,333	2,616,401	3,147,441
VCB	HOSE	2,665.0	98,339.25	0.00%	36.9	20.06	2.13	1,054,745	1,157,601	618,526
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	0.00%	18.5	8.44	1.17	1,077,555	2,316,888	971,237
BVH	HOSE	680.5	23,816.50	0.00%	35.0	18.46	1.94	609,788	514,044	305,999
CTG	HOSE	3,723.4	53,989.37	0.00%	14.5	9.67	0.96	202,670	194,169	244,842
GAS	HOSE	1,895.0	140,230.00	0.00%	74.0	11.42	3.72	306,718	580,586	502,282

Công ty quản lý	**Royal Bank of Scotland**	Ngày lập quỹ	**19/09/2011**	SLCKVN	**9/142**
Chỉ số tham chiếu	**MSCI Frontier Markets Index**	Ngày lập chỉ số	**30/11/2007**	TGTTSQL	**22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,175.79	4.01%	84.5	- 488.78	4.34	101,788	271,344	220,272
VIC	HOSE	1,454.6	69,527.73	2.27%	47.8	17.99	3.79	480,311	840,152	1,125,271
PVD	HOSE	303.0	18,939.81	4.39%	62.5	7.52	1.63	552,989	1,061,195	812,537
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	0.89%	18.5	8.44	1.17	1,077,555	2,316,888	971,237
VCB	HOSE	2,665.0	98,339.25	1.28%	36.9	20.06	2.13	1,054,745	1,157,601	618,526
BVH	HOSE	680.5	23,816.50	1.79%	35.0	18.46	1.94	609,788	514,044	305,999

Công ty quản lý	**iShares**	Ngày lập quỹ	**12/09/2012**	SLCKVN	**6/102**
Chỉ số tham chiếu	**MSCI Frontier 100 Index**	Ngày lập chỉ số	**30/11/2007**	TGTTSQL	**519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)

Công ty quản lý	**iShares**	Ngày lập quỹ		SLCKVN	
Chỉ số tham chiếu	**MSCI VN Investable Market Indx**	Ngày lập chỉ số	**01/12/2010**	TGTTSQL	**4,752.96 mil.**

Market Highlight

09 January 2015

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	6,708	6.5	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	22,341	9.7	1.6	16.9%	10.6%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	3,080	15.0	0.9	5.7%	2.2%
Sản xuất giấy	861	6.2	1.0	14.5%	7.9%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	36,960	12.6	1.9	22.7%	10.8%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,970	3.6	1.0	21.6%	5.2%
Khai khoáng	12,434	89.0	6.2	-4.1%	-3.4%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	26,586	14.8	1.5	13.3%	7.4%
Xây dựng	32,589	26.7	1.1	1.8%	2.4%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,176	9.4	1.2	16.0%	8.0%
Công nghiệp phức hợp	1,028	6.8	1.1	16.9%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	2,649	8.1	1.5	18.6%	6.5%
Thiết bị điện	1,736	10.9	1.9	10.1%	4.6%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	72	23.6	1.0	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,629	8.7	1.3	15.2%	10.4%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,494	- 2.8	0.9	4.5%	1.4%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,523	8.3	1.5	18.5%	13.5%
Dịch vụ vận tải	9,097	7.8	2.6	39.5%	28.2%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,587	18.1	1.8	8.7%	4.5%
Đào tạo & Việc làm	245	12.7	0.8	7.0%	2.6%
Nhà cung cấp thiết bị	199	9.1	0.9	12.6%	5.0%
Chất thải & Môi trường	218	3.3	1.0	33.9%	15.6%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,266	13.5	1.4	14.8%	7.3%
Lốp xe	8,228	10.6	2.8	25.5%	11.0%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,782	7.9	1.4	17.9%	9.6%
Vang & Rượu mạnh	327	16.5	2.2	14.9%	9.9%
Đồ uống & giải khát	234	6.5	1.2	14.6%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	23,282	11.1	2.1	22.6%	7.6%
Thực phẩm	188,169	24.2	4.6	18.4%	14.3%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	64	18.0	0.8	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	2,854	7.7	1.2	18.4%	8.8%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	519	62.6	1.4	2.7%	1.9%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,652	8.4	1.6	19.3%	7.5%
Giầy dép	11	- 1.6	0.7	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	6,283	10.5	1.9	18.5%	9.4%
Thuốc lá					
Thuốc lá	820	- 12.2	1.1	2.1%	4.4%

Market Highlight

09 January 2015

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,924	9.8	1.1	12.8%	7.2%
Dụng cụ y tế	161	3.3	1.7	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	214	9.2	1.2	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,611	12.4	2.8	22.3%	14.8%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	227	- 36.1	0.7	-2.0%	-0.6%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	737	10.3	1.2	13.8%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,603	9.0	1.6	18.9%	3.6%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,112	9.1	1.0	10.0%	6.6%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,665	55.6	2.4	3.9%	2.3%
Dịch vụ giải trí	3,408	20.5	1.3	10.6%	8.8%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,740	18.5	3.4	23.5%	20.2%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	41	9.6	0.3	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	713	10.6	0.9	8.7%	3.2%
Internet	414	87.3	1.0	1.1%	0.2%
Phần mềm	16,778	10.0	2.1	21.7%	9.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	465	15.9	0.8	4.6%	1.8%
Thiết bị văn phòng	275	5.2	1.0	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	14,497	37.5	7.8	34.4%	11.5%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	30,195	10.5	1.6	15.8%	7.2%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	137,481	11.3	3.6	32.3%	21.9%
Nước	1,229	6.6	1.1	17.0%	11.7%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,484	8.8	1.0	11.2%	3.3%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,591	11.2	0.7	6.6%	2.5%
Tái bảo hiểm	2,897	9.1	1.1	12.8%	5.4%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	23,204	18.5	1.9	10.4%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,748	7.9	1.2	18.0%	12.3%
Môi giới chứng khoán	25,799	10.7	1.4	11.0%	7.5%
Ngân hàng					
Ngân hàng	259,603	12.3	1.4	10.2%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	158,557	15.5	2.5	17.7%	4.6%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	8	2.0	0.6	32.7%	12.3%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	32,092	7.3	1.5	21.9%	9.2%

P/E: PE 4 quý gần nhất I **P/B**: Hệ số giá / Giá trị sổ sách I **ROE**: Lãi ròng / Vốn CSH I **ROA**: Lãi ròng / Tổng tài sản

- **Nguyễn Hữu Quang** — **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**
  quangnh@vietinbanksc.com.vn

- **Trịnh Thị Thu Phương** — thuphuong@vietinbanksc.com.vn
  - Tổng hợp thông tin vĩ mô

- **Nguyễn Thu Hằng** — hangntt@vietinbanksc.com.vn
  - Ngân hàng
  - Dược phẩm
  - Phân bón
  - Nước giải khát

- **Nguyễn Quang Sắc** — sacnq@vietinbanksc.com.vn
  - Phân tích kỹ thuật
  - Nhận định, bình luận thị trường

- **Vũ Ánh Nguyệt** — nguyetva@vietinbanksc.com.vn
  - Cao su
  - Thủy sản
  - Dệt may
  - Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.